

Số: 16 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Triển khai Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023
của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về
đầu tư xây dựng công trình đường bộ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của
Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình
đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của
Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản số
204/TTr-BKHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2024, 622/BKHĐT-PTHTĐT ngày 24
tháng 01 năm 2024, 712/BKHĐT-PTHTĐT ngày 26 tháng 01 năm 2024;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh Thái Bình, Cao Bằng

1. Chịu trách nhiệm trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh
chủ trương đầu tư các dự án tương ứng với các nội dung quy định tại Phụ lục I
của Nghị quyết số 106/2023/QH15.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, triển khai
các dự án thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 2. Ủy ban nhân dân các tỉnh được giao làm cơ quan chủ quản
đầu tư dự án đường bộ tại Điều 3 của Nghị quyết số 106/2023/QH15**

1. Trước ngày 15 tháng 02 năm 2024, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Đề xuất
giao cơ quan chủ quản để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết



định cá biệt giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được làm cơ quan chủ quản, được sử dụng ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc đối với các dự án tại Phụ lục II của Nghị quyết số 106/2023/QH15; giao một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được làm cơ quan chủ quản, được sử dụng ngân sách địa phương này hỗ trợ địa phương khác thực hiện hoạt động đầu tư công đối với các dự án tại Phụ lục III của Nghị quyết số 106/2023/QH15.

Đề xuất bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư bao gồm các nội dung và tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị giao Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ quan chủ quản, trong đó cam kết các nội dung sau:

- Hoàn thành các dự án, dự án thành phần đúng tiến độ được phê duyệt;
- Bảo đảm chất lượng, hiệu quả, khả thi, đồng bộ;
- Bảo đảm kiện toàn năng lực hoạt động xây dựng của cơ quan, tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- Bố trí toàn bộ kế hoạch vốn để thực hiện đối với các dự án tại các Phụ lục II và III Nghị quyết số 106/2023/QH15.

b) Văn bản thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh còn lại (đối với các dự án tại Phụ lục III Nghị quyết số 106/2023/QH15).

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc bố trí vốn ngân sách địa phương và vốn hợp pháp khác cho các dự án được giao làm cơ quan chủ quản đã đủ thủ tục quy định tại Phụ lục II Nghị quyết số 106/2023/QH15; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân từng tỉnh thống nhất sử dụng ngân sách địa phương này hỗ trợ địa phương khác thực hiện hoạt động đầu tư công đối với các dự án đã đủ thủ tục tại Phụ lục III Nghị quyết số 106/2023/QH15.

2. Bảo đảm năng lực hoạt động xây dựng của cơ quan, tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng như đã cam kết.

3. Bố trí toàn bộ kế hoạch vốn để thực hiện các dự án theo quy định để hoàn thành các dự án, dự án thành phần đúng tiến độ như đã cam kết. Trường hợp phát sinh các yếu tố làm tăng quy mô, tổng mức đầu tư dự án, địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác (đối với phần tăng thêm) để triển khai hoàn thành dự án theo đúng tiến độ đã cam kết.

4. Chịu trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo trì đối với tuyến đường bộ trong quá trình đầu tư nâng cấp, mở rộng.



5. Đối với các dự án chưa đủ thủ tục đầu tư tại Phụ lục II, Phụ lục III của Nghị quyết số 106/2023/QH15, sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan chủ quản nêu tại khoản 1 Điều này, các địa phương hoàn thiện thủ tục đầu tư trong thời gian có hiệu lực của Nghị quyết số 106/2023/QH15.

6. Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án; kiểm tra, giám sát, thanh tra bảo đảm không để xảy ra việc trục lợi chính sách, lợi ích nhóm, thất thoát, lãng phí; chịu trách nhiệm về đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao

1. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan quy định tại Nghị quyết này; trường hợp cần thiết, chủ động, kịp thời hướng dẫn cụ thể việc thực hiện.

2. Theo dõi, đánh giá, giám sát kết quả thực hiện theo lĩnh vực quản lý; báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm kể từ ngày Nghị quyết số 106/2023/QH15 có hiệu lực và báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 106/2023/QH15 trước tháng 8 năm 2025 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo các cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 106/2023/QH15.

3. Đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung, chính sách quy định tại Nghị quyết của Quốc hội.

4. Khẩn trương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện; làm tốt công tác hướng dẫn, tuyên truyền về các chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 106/2023/QH15; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng “xin-cho”, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực đối với người dân, doanh nghiệp; chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xử lý những vướng mắc phát sinh.

5. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đôn đốc, có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với tập thể, cá nhân gây khó khăn, những nhiều người dân và doanh nghiệp; trì trệ, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ.

6. Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc triển khai dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, khả thi, đồng bộ.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố hướng dẫn nhà thầu thi công thực hiện lập hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác trước khi tiến hành khai thác. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm

2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, trình tự thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

8. Căn cứ điều kiện thực tế để xem xét, hướng dẫn nhà thầu thi công quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 106/2023/QH15 tự lập đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông đối với mỏ cát, sỏi lòng sông nằm ở đoạn sông, suối có nguy cơ sạt lở cao bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông. Nhà thầu thi công chịu trách nhiệm đối với kết quả đánh giá.

9. Thực hiện theo thẩm quyền tại Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ đối với giá vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ giao nhà thầu thi công khai thác theo cơ chế đặc thù quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 106/2023/QH15.

Điều 4. Bộ Giao thông vận tải

1. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh hoàn thiện quy trình, thủ tục, thẩm quyền giữa các cơ quan trong tạo lập mỏ, khai thác vật liệu xây dựng; quản lý tài sản hình thành sau đầu tư liên quan đến khai thác vật liệu xây dựng theo quy định của Điều 4 Nghị quyết số 106/2023/QH15 của Quốc hội đảm bảo xác định đúng, đủ các chi phí có liên quan.

2. Hỗ trợ kỹ thuật, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tăng cường năng lực chuyên môn (kinh nghiệm chung của tổ chức, kinh nghiệm riêng của cá nhân và chứng chỉ cần thiết...) cho các địa phương để đảm bảo đáp ứng điều kiện phân cấp quy định tại Nghị quyết số 106/2023/QH15.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 163 Luật Xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn.

4. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng theo quy định; quy định việc tổ chức bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác công trình sau khi các địa phương hoàn thành theo thẩm quyền; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy chuẩn xây dựng, quy hoạch, kế hoạch đầu tư, xây dựng công trình, dự án, kết nối đồng bộ với mạng lưới công trình giao thông đang khai thác.

Điều 5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành quyết định cá biệt giao Ủy ban nhân dân các tỉnh là cơ quan chủ quản trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ đề xuất của các địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.



2. Tổng hợp, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội về nguồn vốn và số vốn còn thiếu trong tổng mức đầu tư của dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 106/2023/QH15 tại kỳ họp gần nhất sau khi các dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư.

3. Tổng hợp báo cáo đánh giá tổng kết thực hiện Nghị quyết 106/2023/QH15 để trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2025.

Điều 6. Bộ Tài chính

1. Việc bàn giao tài sản từ Bộ Giao thông vận tải cho Ủy ban nhân dân các tỉnh được giao làm cơ quan chủ quản trong thời gian đầu tư, nâng cấp, mở rộng đối với các dự án quốc lộ hiện hữu được thực hiện theo quy định pháp luật; Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện và kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để đảm bảo nguồn lực triển khai các dự án.

Điều 7. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương, nhà thầu thi công về việc thực hiện cơ chế đặc thù về khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 106/2023/QH15 theo thẩm quyền, hoàn thành trong tháng 02 năm 2024.

Điều 8. Bộ Giao thông vận tải và các địa phương có dự án sử dụng nguồn dự phòng chung của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có dự án tại Phụ lục V kèm theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 chịu trách nhiệm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đầu tư công, trong đó nguồn vốn bố trí cho dự án bao gồm: nguồn vốn dự kiến cho dự án từ nguồn dự phòng chung của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tương ứng với số vốn từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 đã được Thủ tướng Chính phủ thông báo tại văn bản số 1303/TTg-KTTH ngày 06 tháng 12 năm 2023, vốn ngân sách địa phương; nguồn vốn và số vốn còn thiếu so với dự kiến tổng mức đầu tư của dự án được bố trí bằng nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Các địa phương có dự án tại Phụ lục VI kèm theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 chịu trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đầu tư công, trong đó mức vốn ngân sách trung ương bố trí tăng thêm cho dự án từ nguồn dự phòng chung của Kế hoạch

đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tương ứng với số vốn từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 đã được Thủ tướng Chính phủ thông báo tại văn bản số 1303/TTg-KTTH ngày 06 tháng 12 năm 2023.

3. Phần vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh và một số dự án tại Phụ lục số V kèm theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 từ các nguồn sau:

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ Giao thông vận tải đối với dự án Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cao Bồ - Mai Sơn;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Ninh Bình đối với Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải phòng đoạn qua tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Bình Phước đối với Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ cho địa phương đối với Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0 - Km7), thành phố Cần Thơ và Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Phân công các Phó Thủ tướng Chính phủ

a) Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái chỉ đạo chung Nghị quyết này, giải quyết các công việc liên quan đến kế hoạch đầu tư, tài chính, ngân sách của các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 106/2023/QH15.

b) Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, giải quyết các công việc liên quan đến việc hoàn thiện thủ tục đầu tư, thúc đẩy tiến độ đầu tư các dự án, việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, nguồn cung cấp vật liệu của các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 106/2023/QH15.

c) Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, giải quyết các công việc liên quan đến việc hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi, thể chế, chính sách thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 106/2023/QH15.

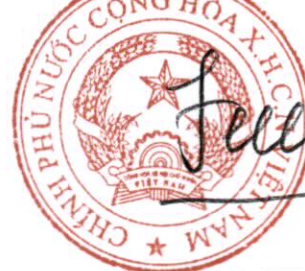


3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, PL, QHĐP, NN, V.I;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 100

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khái